

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139/2024/DS-ST**

Ngày: 13-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Út Mỹ**;

2. Bà **Huỳnh Thị Phụng**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị N** – sinh năm xxxx;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Chí T** – sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Cho chỗ quen biết nên ngày 11/02/2023 chị có cho anh T vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi theo mức lãi suất của ngân hàng nhà nước, thời hạn vay 03

tháng và khi vay anh T có làm hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ. Tuy nhiên từ khi vay đến nay anh T không thực hiện trả vốn và lãi như thỏa thuận mặc dù chị đã nhiều lần điện thoại yêu cầu anh T trả nợ. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh T trả cho chị số tiền vốn 40.000.000.000 đồng vốn và chị yêu cầu tính lãi từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,2%/tháng. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Trương Chí T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn anh Trương Chí T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét việc bị đơn anh Trương Chí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần 1, lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 11/02/2023 chị N có cho anh T vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi theo mức lãi suất của ngân hàng nhà nước, thời hạn vay 03 tháng và khi vay anh T có làm hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ. Tuy nhiên từ khi vay đến nay anh T không thực hiện trả vốn và lãi như thỏa thuận mặc dù chị N đã nhiều lần điện thoại yêu cầu anh T trả nợ. Nay chị N khởi kiện yêu cầu anh T trả cho chị số tiền vốn là 40.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị N đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng công chứng Phú Mỹ ngày 11/02/2023. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không lý do. Hợp đồng vay tiền ngày 11/02/2023 có chữ ký của anh T và lời chứng của công chứng viên Văn phòng công chứng Phú Mỹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó. Trong vụ kiện này chị N đã đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng vay tiền ngày 11/02/2023 có chữ ký của anh T và lời chứng của công chứng viên Văn phòng công chứng Phú Mỹ, nếu anh T không thừa nhận các chứng cứ trên thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, anh T cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, không thể hiện ý chí phản đối các chứng cứ mà chị N đã cung cấp thì phải chịu hậu quả của việc

không chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó nay chị N khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho chị số tiền vốn 40.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Chị N yêu cầu tính lãi từ ngày 11/02/2023 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,2%/tháng. Xét yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc anh T có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền lãi là 40.000.000 đồng x 1,2%/tháng x 16 tháng 02 ngày = 7.712.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh T trả cho chị N số tiền lãi là 7.712.000 đồng.

[4] Về thời gian trả: Chị N yêu cầu anh T trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của chị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị N được hoàn lại số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 91, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N.

1. Buộc anh Trương Chí T trả cho chị Huỳnh Thị N số tiền vốn và lãi tổng cộng là 47.712.000 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười hai ngàn) đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu trả số tiền trên thì anh T còn phải chịu lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của chị N và anh T nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu chị N, anh T không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Trương Chí T chịu 2.385.600 (hai triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị N 1.120.000 (một triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0013261 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn